TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2021
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Ông Phạm Thuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 378/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11.01.2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27.01.2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1978. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Phan Quang Đ, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: K76/50 đường H, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị M và ông Phan Quang Đ kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại địa chỉ K76/50 đường H, tổ 18 phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Bà M xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ rất lâu. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Quang Đ.

Về con chung: Bà Đỗ Thị M và ông Phan Quang Đ có hai con chung tên Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 19.3.2003 và Phan Quang T1, sinh ngày 01.5.2009. Ly hôn bà M xin được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Quang Đ nhiều lần về Thông báo thụ lý, các lần hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị M được ly hôn với ông Phan Quang Đ; Về con chung có hai con Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 19.3.2003 và Phan Quang T1, sinh ngày 01.5.2009, giao hai con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa bà M không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề cập; Về tài sản chung và nợ chung Nguyên đơn không yêu cầu ông Đ không có ý kiến phản hồi nên Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Quang Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Đỗ Thị M và ông Phan Quang Đ kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 19 ngày 10 tháng 3 năm 2003, quyển số I/2003. Đây là hôn nhận hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà M trình bày là do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông Phan Quang Đ. Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó thể hiện ông không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Đỗ Thị M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà M và ông Đ có hai con chung tên Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 19.3.2003 và Phan Quang T1, sinh ngày 01.5.2009. Ly hôn bà M xin được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của bà M thì thấy: Hiện nay hai cháu đang ở với bà M, ông Đ không có ý phản hồi về việc yêu cầu nuôi con của bà M, đồng thời nguyện vọng của hai cháu xin được ở với mẹ

nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn giao hai con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết, ông Đ vắng mặt và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Phan Quang Đ.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị M được ly hôn ông Phan Quang Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 19.3.2003 và Phan Quang T1, sinh ngày 01.5.2009 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan Quang Đ không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đ không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

Các bên đương sự đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đều được thực hiện quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Đỗ Thị M phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 2207 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Thuận Phước, quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng